

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA TRÁI PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 10/10/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 42 ngày 24/07/2024)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG (ĐỢT 2)

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 222/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/11/2024)

Bản thông tin cập nhật bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (KienlongBank)

Trụ sở chính: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Điện thoại: (029) 7386 9950

Fax: (029) 7387 7538

Website: www.kienlongbank.com



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Rạch Giá, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 222/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/11/2024)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên Tổ Chức Phát Hành (đầy đủ): Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
3. Điện thoại: (029) 7386 9950 Fax: (029) 7387 7538
Website: www.kienlongbank.com
4. Vốn điều lệ: 3.652.818.780.000 VND (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 10/10/1995, đăng kí thay đổi lần thứ 42 ngày 24/07/2024).
5. Mã cổ phiếu: KLB
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Sở Giao dịch
Số hiệu tài khoản: 120081 (Mã Citad: 91353001)
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 1700197787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 10/10/1995, đăng kí thay đổi lần thứ 42 ngày 24/07/2024.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Mã ngành: 6419.
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Khách hàng cá nhân: sản phẩm thanh toán & tín dụng (thẻ, tài khoản số đẹp, vay kinh doanh...); sản phẩm huy động (tiền tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn...); dịch vụ & bảo hiểm (thu chi hộ, bảo hiểm sức khỏe...);
 - Khách hàng doanh nghiệp: bảo lãnh (bảo lãnh ngân hàng...); cho vay (cho vay thấu chi...); tài trợ thương mại (tài trợ xuất khẩu sau giao hàng, tài trợ thế chấp...).
8. Giấy phép thành lập và hoạt động: số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 255/QĐ-NH5 ngày 18/09/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02/10/1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẬP

Phương án phát hành Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng đã được Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long thông qua theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT ngày 18/09/2024, Nghị quyết số 42/NQ-HĐQT ngày 15/10/2024 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 222/GCN-UBCK ngày 29/11/2024. Theo đó, thông tin trái phiếu chào bán được phê duyệt như sau:

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long phát hành ra công chúng ("Trái Phiếu").

2. Loại Trái Phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

3. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:

Đợt 1: dự kiến Quý IV/2024-Quý I/2025

- **Trái Phiếu KLB7Y202401:** 8.000.000 (tám triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm.

Đợt 2 – Dự kiến Quý I/2025:

- **Trái Phiếu KLB7Y202402:** 8.000.000 (tám triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm.

Đợt 3 – Dự kiến Quý II/2025:

- **Trái Phiếu KLB7Y202403:** 9.000.000 (chín triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm.

Thời gian phân phối Trái Phiếu của mỗi Đợt dự kiến tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày. Đợt phát hành thứ hai và thứ ba chỉ được thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành liền trước đó. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng dự kiến thì phần khối lượng chưa bán hết sẽ chuyển sang (các) đợt phát hành sau.

5. Lãi suất Trái Phiếu

Lãi suất của Các Trái Phiếu là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau:

Lãi suất áp dụng cho mỗi Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,6%/năm (một phẩy sáu phần trăm một năm).

Trong đó:

"Kỳ Tính Lãi" có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 12 (mười hai) tháng liên tục kể từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn.

"Lãi Suất Tham Chiếu" đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của KienlongBank tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

“Ngày Xác Định Lãi Suất” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Lâm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

6. Kế hoạch sử dụng vốn

- Đợt 1: Quý IV/2024 – Quý I/2025
- Đợt 2: Quý I/2025
- Đợt 3: Quý II/2025

Số tiền và thời gian giải ngân thực tế đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công, thực tế hoạt động và tiến độ cho vay nền kinh tế của Ngân hàng TMCP Kiên Long.

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

1. Kết quả chào bán Đợt 1

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: 8.000.000 Trái Phiếu, trong đó:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết
1	KLB7Y202401	8.000.000	8.000.000	-
Tổng cộng		8.000.000	8.000.000	-

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 21/12/2024.

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG NGÀY 25/11/2024 THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG SỐ 222/GCN-UBCK NGÀY 29/11/2024 (“Bản Cáo Bạch”)

A. THÔNG TIN VỀ TÀI CHÍNH:

1. Cập nhật Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại Bản Cáo Bạch

1.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 1: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của KienlongBank tại ngày 24/01/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	3.800.000	1,04%
2	Trong nước	1.846	359.332.352	98,37%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
a	Cá nhân trong nước	1.833	306.944.598	84,03%
b	Tổ chức trong nước	13	52.387.754	14,34%
3	Nước ngoài	5	2.149.526	0,59%
a	Cá nhân nước ngoài	4	1.826	0,00%
b	Tổ chức nước ngoài	1	2.147.700	0,59%
	Tổng cộng	1.852	365.281.878	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của KienlongBank do VSDC cung cấp ngày 24/01/2025

1.2 Các loại chứng khoán khác

- Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành: 800.000.000.000 VND
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành: 0 VND
- Đặc điểm: không có.

Bảng 2: Bảng chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/01/2025

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
Trái phiếu ra công chúng						
1	KLB7Y202401	800.000.000.000	21/12/2024	Thả nổi	7	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của KienlongBank
Tổng		800.000.000.000				

Nguồn: KienlongBank

2. Cập nhật Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Bản Cáo Bạch**2.1 Hoạt động kinh doanh theo sản phẩm dịch vụ****a) Cơ cấu doanh thu****Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của KienlongBank giai đoạn 2022 - 2024 (Công ty mẹ)**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	2024	2022	2023	2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.376	7.779	7.111	84,28%	87,95%	85,10%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	397	544	557	6,23%	6,15%	6,67%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	488	301	432	7,65%	3,40%	5,17%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	4	0,00%	0,00%	0,05%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	126	27	0,46%	1,42%	0,32%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	88	96	225	1,39%	1,08%	2,69%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	6.379	8.845	8.356	100%	100%	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu của KienlongBank giai đoạn 2022 - 2024 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ Đồng)			Tỷ trọng (%)		
		2022	2023	2024	2022	2023	2024
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.376	7.779	7.111	83,94%	87,83%	84,96%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	423	556	575	6,60%	6,28%	6,87%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	488	301	432	7,62%	3,40%	5,16%
4	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	0	0,00%	0,00%	0,00%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	126	27	0,46%	1,42%	0,33%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	88	96	225	1,38%	1,08%	2,69%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	6.405	8.858	8.370	100%	100%	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

2.2 Hoạt động huy động vốn

Về tỷ trọng nguồn vốn huy động, tiền gửi của khách hàng có tỷ trọng lớn nhất, chiếm trên 65% tổng nguồn vốn huy động của KienlongBank trong giai đoạn 2022 - 2024 (theo số liệu hợp nhất).

Bảng 5: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	2.452	3,12%	-	-	-100%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	23.647	30,08%	18.119	23,00%	-23,38%	15.126	18,24%
Tiền gửi của khách hàng	52.521	66,80%	57.216	72,61%	8,94%	63.761	76,90%
Phát hành Giấy tờ có giá	-	-	3.459	4,39%	100%	4.028	4,86%
Tổng cộng	78.620	100%	78.794	100%	0,22%	82.915	100%
II. Thị trường							
Trong nước	78.620	100%	78.794	100%	0,22%	82.697	99,74%
Ngoài nước	-	-	-	-	-	218	0,26%
Tổng cộng	78.620	100%	78.794	100%	0,22%	82.915	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 6: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	2.452	3,13%	-	-	-100%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	23.647	30,20%	18.119	23,09%	-23,38%	15.126	18,32%
Tiền gửi của khách	52.196	66,67%	56.898	72,50%	9,01%	63.521	76,93%

Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
hàng							
Phát hành Giấy tờ có giá	-	-	3.459	4,41%	100%	3.928	4,76%
Tổng cộng	78.295	100%	78.476	100%	0,23%	82.575	100%
II. Thị trường							
Trong nước	78.295	100%	78.476	100%	0,23%	82.357	99,74%
Ngoài nước	-	-	-	-	-	218	0,26%
Tổng cộng	78.295	100%	78.476	100%	0,23%	82.575	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn đóng góp trên 93% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng giai đoạn 2022-2023 và đạt 93,57% (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) tại thời điểm kết thúc năm 2024, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn.

Về cơ cấu theo khách hàng, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 93,93% tại thời điểm 31/12/2023 và chiếm 94,51% tại thời điểm 31/12/2024).

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 7: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	52.522	57.216	63.761
1	Phân theo khách hàng (%)			
-	Cá nhân	94,60%	93,41%	94,16%
-	Tổ chức	5,40%	6,59%	5,84%
2	Phân theo kỳ hạn (%)			
-	Tiền gửi không kỳ hạn	3,93%	5,98%	6,42%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	96,03%	94,01%	93,57%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,00%	0,00%	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,04%	0,02%	0,01%
3	Phân theo loại tiền (%)			
-	VND	99,79%	99,90%	99,92%
-	Ngoại tệ	0,21%	0,10%	0,08%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	52.196	56.898	63.521
1	Phân theo khách hàng (%)			
-	Cá nhân	95,19%	93,93%	94,51%
-	Tổ chức	4,81%	6,07%	5,49%
2	Phân theo kỳ hạn (%)			
-	Tiền gửi không kỳ hạn	3,95%	6,00%	6,43%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	96,01%	93,98%	93,56%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,00%	0,00%	0,00%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,04%	0,02%	0,01%
3	Phân theo loại tiền (%)			
-	VND	99,79%	99,89%	99,92%
-	Ngoại tệ	0,21%	0,11%	0,08%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng của KienlongBank. Tại thời điểm 31/12/2024, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ đạt 63.468 tỷ VND, tăng 11,67% so với cuối năm 2023 trong khi tiền gửi ngoại tệ đạt 53 tỷ VND, giảm nhẹ so với cuối năm 2023.

Bảng 9: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	31/12/2024
VND	52.413	57.156	9,05%	63.708
Ngoại tệ	108	60	-44,51%	53
Tổng	52.522	57.216	8,94%	63.761

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 10: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	31/12/2024
VND	52.088	56.838	9,12%	63.468
Ngoại tệ	108	60	-44,51%	53
Tổng	52.196	56.898	9,01%	63.521

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank
Về huy động từ phát hành Giấy tờ có giá:

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số dư giấy tờ có giá phát hành đạt 3.459 tỷ VND, tăng 100% so với cuối năm 2022, toàn bộ là chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 84 tháng. Việc phát hành giấy tờ có giá của KienlongBank không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp Ngân hàng đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường. Tại thời điểm 31/12/2024, số dư phát hành giấy tờ có giá của KienlongBank đạt 3.928 tỷ đồng.

2.3 Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng theo số liệu BCTC hợp nhất tăng 18,6% so với cuối năm 2023, lên mức 61.432 tỷ VND.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 11: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	31/12/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	27.619	61,78%	30.074	58,08%	8,89%	38.555	62,76%
2	Nợ trung hạn	10.292	23,02%	17.963	34,69%	74,53%	19.622	31,94%
3	Nợ dài hạn	6.791	15,19%	3.746	7,23%	-44,84%	3.255	5,30%
	Tổng cộng	44.703	100%	51.783	100%	15,84%	61.432	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 12: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	31/12/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	27.619	61,78%	30.074	58,08%	8,89%	38.555	62,76%
2	Nợ trung hạn	10.292	23,02%	17.963	34,69%	74,53%	19.622	31,94%
3	Nợ dài hạn	6.792	15,19%	3.746	7,23%	-44,84%	3.255	5,30%
	Tổng cộng	44.703	100%	51.783	100%	15,84%	61.432	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

Phân theo ngành kinh tế, các khoản vay thuộc ngành nghề bán buôn, bán lẻ, xây dựng và hoạt động dịch vụ khác (bao gồm: cho vay bổ sung vốn lưu động; cho vay kinh doanh cá thể; cho vay sửa chữa điện tử, đồ dùng cá nhân, gia đình...) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay của KienlongBank. Tính đến 31/12/2024, các khoản vay phục vụ nhóm khách hàng này chiếm tỷ trọng trên 70% cơ cấu dư nợ tín dụng. Theo định hướng phát triển ngân hàng bán lẻ và SME, KienlongBank sẽ đẩy mạnh khai thác KHCN và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 13: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)*Đơn vị: tỷ Đồng*

STT	Ngành nghề	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	8.172	18,28%	4.098	7,91%	3.922	6,38%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.044	15,76%	3.952	7,63%	4.713	7,67%
3	Hoạt động dịch vụ khác	18.203	40,72%	25.397	49,05%	12.419	20,22%
4	Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	2.928	6,55%	2.196	4,24%	9.109	14,83%
5	Hoạt động đầu tư	270	0,60%	-	0,00%	-	0,00%
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	3.163	7,08%	7.676	14,82%	13.209	21,50%
7	Xây dựng	4.668	10,44%	8.012	15,47%	17.516	28,51%
8	Vận tải kho bãi	7	0,02%	180	0,35%	11	0,02%
9	Công nghiệp chế biến, chế tạo	42	0,09%	154	0,30%	310	0,50%
10	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	192	0,43%	116	0,22%	122	0,20%
11	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2	0,00%	-	0,00%	29	0,05%
12	Thông tin và truyền thông	-	0,00%	2	0,00%	4	0,01%
13	Giáo dục và đào tạo	11	0,02%	-	0,00%	30	0,05%
14	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1	0,00%	1	0,00%	4	0,01%
15	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	-	0,00%	-	0,00%	3	0,00%
16	Khai khoáng	-	0,00%	1	0,00%	9	0,01%

STT	Ngành nghề	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
17	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	-	0,00%	1	0,00%	10	0,02%
18	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	-	0,00%	-	0,00%	13	0,02%
19	Hoạt động khác	-	0,00%	-	0,00%	2	0,00%
	Tổng	44.703	100%	51.783	100%	61.432	100%

Nguồn: BCTC riêng 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 14: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Ngành nghề	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	8.172	18,28%	4.098	7,91%	3.922	6,38%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.044	15,76%	3.952	7,63%	4.713	7,67%
3	Hoạt động dịch vụ khác	18.203	40,72%	25.397	49,05%	12.419	20,22%
4	Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	2.928	6,55%	2.196	4,24%	9.109	14,83%
5	Hoạt động đầu tư	270	0,60%	-	0,00%	-	0,00%
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	3.163	7,08%	7.676	14,82%	13.209	21,50%
7	Xây dựng	4.668	10,44%	8.012	15,47%	17.516	28,51%
8	Vận tải kho bãi	7	0,02%	180	0,35%	11	0,02%
9	Công nghiệp chế biến, chế tạo	42	0,09%	154	0,30%	310	0,50%

STT	Ngành nghề	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
10	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	192	0,43%	116	0,22%	122	0,20%
11	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2	0,00%	-	0,00%	29	0,05%
12	Thông tin và truyền thông	-	0,00%	2	0,00%	4	0,01%
13	Giáo dục và đào tạo	11	0,02%	-	0,00%	30	0,05%
14	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1	0,00%	1	0,00%	4	0,01%
15	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	-	0,00%	-	0,00%	3	0,00%
16	Khai khoáng	-	0,00%	1	0,00%	9	0,01%
17	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	-	0,00%	1	0,00%	10	0,02%
18	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	-	0,00%	-	0,00%	13	0,02%
19	Hoạt động khác	-	0,00%	-	0,00%	2	0,00%
	Tổng	44.703	100%	51.783	100%	61.432	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của KienlongBank. Tại thời điểm 31/12/2024, số dư bảo lãnh của KienlongBank đạt 4.129,6 tỷ VND, gấp 11,4 lần so với thời điểm cuối năm 2023.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, KienlongBank đặc biệt chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu của KienlongBank ở mức 1,91% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

Bảng 15: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.502	97,31%	50.158	96,86%	15,30%	59.541	96,92%
Nợ cần chú ý	356	0,80%	624	1,20%	75,28%	719	1,17%
Nợ dưới tiêu chuẩn	75	0,17%	230	0,44%	206,67%	198	0,32%
Nợ nghi ngờ	122	0,27%	321	0,62%	163,11%	152	0,25%
Nợ có khả năng mất vốn	648	1,45%	451	0,87%	-30,40%	822	1,34%
Tổng cộng	44.703	100%	51.783	100%	15,84%	61.432	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 16: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn (*)	43.502	97,31%	50.158	96,86%	15,30%	59.541	96,92%
Nợ cần chú ý (*)	356	0,80%	624	1,20%	75,28%	719	1,17%
Nợ dưới tiêu chuẩn	75	0,17%	230	0,44%	206,67%	198	0,32%
Nợ nghi ngờ	122	0,27%	321	0,62%	163,11%	152	0,25%
Nợ có khả năng mất vốn	648	1,45%	451	0,87%	-30,40%	822	1,34%
Tổng cộng	44.703	100%	51.783	100%	15,84%	61.432	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 17: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	256	323	580
31/12/2023	259	365	623
31/12/2024	526	454	980

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 18: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	256	323	580
31/12/2023	259	365	623
31/12/2024	526	454	980

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) theo báo cáo tài chính hợp nhất của KienlongBank tại thời điểm 31/12/2024 là 12,27%, đáp ứng các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bảng 19: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Tỷ lệ an toàn vốn – riêng lẻ	8,26%	9,50%	12,00%
Tỷ lệ an toàn vốn – hợp nhất	8,52%	9,73%	12,27%

Nguồn: KienlongBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41

2.4 Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Kết thúc năm 2024, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt lần lượt 432 tỷ VND và 42 tỷ VND. Do tại công ty con không có hoạt động kinh doanh ngoại hối nên số liệu kết quả hoạt động này trên BCTC hợp nhất và BCTC riêng lẻ của KienlongBank bằng nhau.

Bảng 20: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Năm 2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	488	301	-38,34%	432
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	453	242	-46,64%	390
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	35	59	69,22%	42

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp KienlongBank tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy

nhanh tốc độ thanh toán, đảm bảo tuyệt đối an toàn, chính xác nguồn vốn cho khách hàng. Đồng thời, Ngân hàng cũng đã tham gia hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng với doanh số đi và đến năm 2024 đạt 4.970.222 tỷ VND, hệ thống thanh toán song phương đạt doanh số đi và đến năm 2024 là 59.439 tỷ VND. Bên cạnh đó, KienlongBank đã và đang đa dạng kênh thanh toán, phát triển nhiều dịch vụ và được khách hàng đánh giá cao.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

KienlongBank hiện đang thực hiện mô hình thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tập trung, đây là cơ sở để dịch vụ này phát triển một cách an toàn, ổn định và đóng góp đáng kể trong thu nhập phi tín dụng của KienlongBank. Trong năm 2024, hoạt động này tại KienlongBank có doanh thu phí đạt 22,29 tỷ VND. Đây là dịch vụ an toàn, chính xác, với chất lượng dịch vụ cao (tỷ lệ điện thanh toán chuẩn - luôn trên 98%, cao hơn mức trung bình 94-95% của thị trường). Dịch vụ Swift Essential đem lại trải nghiệm tốt cho Khách hàng và tăng cường tính bảo mật, an toàn khi sử dụng dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của KienlongBank.

2.5 Hoạt động kinh doanh khác

Kết thúc năm 2024 theo số liệu hợp nhất, tổng giá trị đầu tư chứng khoán đạt 2.974 tỷ đồng, trong đó đầu tư trái phiếu Chính phủ chiếm 100% tổng danh mục đầu tư của KienlongBank.

Bảng 21: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trái phiếu Chính phủ (*)	6.397	79,06%	2.588	66,62%	2.974	85,61%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	398	4,92%	-	0,00%	-	0,00%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	796	9,84%	797	20,51%	-	0,00%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	500	6,18%	500	12,87%	500	14,39%
Tổng cộng	8.091	100%	3.885	100%	3.474	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 22: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trái phiếu Chính phủ (*)	6.397	84,27%	2.588	76,45%	2.974	100%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	398	5,24%	-	0,00%	-	-
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	796	10,49%	797	23,55%	-	-
Tổng cộng	7.591	100%	3.385	100%	2.974	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) tín phiếu do NHNN phát hành

3. Cập nhật Tài sản tại Bản Cáo Bạch

Bảng 23: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024		
	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	729	218	511	729	245	484
Máy móc thiết bị	77	48	29	83	53	30
Phương tiện vận tải	143	103	40	150	112	38
Thiết bị, dụng cụ quản lý	133	111	22	184	120	64
TSCĐ hữu hình khác	23	15	8	23	16	7
Tổng cộng	1.105	495	610	1.169	546	623

Nguồn: KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 24: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	729	218	511	729	245	484
Máy móc thiết bị	77	48	29	83	53	30
Phương tiện vận tải	145	104	41	152	114	38
Thiết bị, dụng cụ quản lý	133	111	22	184	120	64
TSCĐ hữu hình khác	23	15	8	23	16	7
Tổng cộng	1.107	496	611	1.171	548	623

Nguồn: KienlongBank

Bảng 25: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	686	12	674	686	14	672
Phần mềm máy vi tính	148	84	64	227	109	118
TSCĐ vô hình khác	20	17	3	20	19	1
Tổng cộng	854	113	741	933	142	791

Nguồn: KienlongBank

Bảng 26: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	686	12	674	686	14	672
Phần mềm máy vi tính	149	85	64	228	109	119
TSCĐ vô hình khác	20	17	3	20	19	1
Tổng cộng	855	114	741	934	142	792

Nguồn: KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

4. Cập nhật Thị trường hoạt động tại Bản Cáo Bạch

Tại ngày 31/12/2024, theo số liệu hợp nhất, Ngân hàng có 01 trụ sở chính, 02 văn phòng đại diện, 134 chi nhánh và phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 3.717 người.

5. Cập nhật Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

5.1 Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi
 Tính đến thời điểm 31/01/2025, số dư trái phiếu KienlongBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 800 tỷ VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 800 tỷ VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 0 VND

Bảng 27: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành (theo mệnh giá)*Đơn vị: tỷ Đồng*

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2023	Giá trị tại 31/12/2024	Giá trị tại 31/01/2025
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	800	800
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-
Tổng		-	800	800

*Nguồn: KienlongBank***5.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất****Bảng 28: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 31/12/2024**

STT	Nội dung	Số tiền (tỷ VND)
1	Chi phí các hợp đồng thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của KienlongBank (từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)	99
2	Bất động sản là tài sản KienlongBank đang sở hữu đến 31/12/2024	1.415
	Nhà cửa (nguyên giá)	729
	Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	686

Nguồn: KienlongBank

5.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 29: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 31/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	-
2	Cam kết giao dịch hối đoái	19.423
	Cam kết mua ngoại tệ	2.127
	Cam kết bán ngoại tệ	709
	Cam kết giao dịch hoán đổi	16.587
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	4.006
4	Bảo lãnh khác	4.130
5	Các cam kết khác	-

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

6. Cập nhật Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch tại Bản Cáo Bạch

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành giai đoạn 2022-2024

a. Một số chỉ tiêu cơ bản

Bảng 30: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Năm 2024
Tổng giá trị tài sản	86.066	87.283	1,41%	92.492
Vốn chủ sở hữu	5.162	5.730	11,00%	6.576
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.376	7.779	44,70%	7.111
Thu nhập lãi thuần	2.077	2.008	-3,32%	3.173
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	364	494	35,71%	457
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	35	59	68,57%	42
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	8	82	925,00%	26
Lãi thuần từ hoạt động khác	83	90	8,43%	217

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Năm 2024
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-		4
Chi phí hoạt động	1.411	1.604	13,68%	1.986
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.156	1.129	-2,34%	1.933
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	472	418	-11,44%	823
Lợi nhuận trước thuế	684	712	4,09%	1.110
Lợi nhuận sau thuế	546	568	4,03%	887
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	11,13%	10,43%	-0,70%	14,41%
Tỷ lệ trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: KienlongBank

Bảng 31: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Năm 2024
Tổng giá trị tài sản	85.760	86.973	1,41%	92.176
Vốn chủ sở hữu	5.184	5.758	11,07%	6.605
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.376	7.779	44,70%	7.111
Thu nhập lãi thuần	2.092	2.038	-2,58%	3.191
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	396	513	29,55%	480
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	35	59	68,57%	42
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	8	82	925,00%	26
Lãi thuần từ hoạt động khác	83	90	8,43%	217
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-		0
Chi phí hoạt động	1.459	1.646	12,82%	2.022
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.154	1.137	-1,47%	1.935
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	472	418	-11,44%	823

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Năm 2024
Lợi nhuận trước thuế	682	719	5,43%	1.112
Lợi nhuận sau thuế	545	574	5,32%	887
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	11,04%	10,49%	-0,55%	14,36%
Tỷ lệ trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: KienlongBank

Trong năm 2024, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của KienlongBank đạt 8.370 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Ngân hàng đạt 1.112 tỷ đồng, tăng 54,7% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, KienlongBank hoàn thành 139% kế hoạch lợi nhuận năm 2024 đã được HĐQT của Ngân hàng thông qua.

b. Các chỉ tiêu khác

✦ Cơ cấu thu nhập thuần:

Cơ cấu lãi thuần của KienlongBank bao gồm 2 cấu phần chính: thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi, thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 80,66% năm 2024 (theo số liệu hợp nhất). Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động dịch vụ như: dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, dịch vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) chiếm tỷ trọng 12,14% năm 2024, giảm nhẹ so với năm 2023 (theo số liệu hợp nhất). Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng.

Bảng 32: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/giảm	2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.077	80,91%	2.008	73,47%	-3,31%	3.173	80,97%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	364	14,18%	494	18,08%	35,71%	457	11,65%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	35	1,36%	59	2,16%	68,57%	42	1,07%

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, mua bán đầu tư dài hạn khác	8	0,31%	82	3,00%	925,0%	26	0,65%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,00%	0,00%	4	0,11%
Lãi thuần từ hoạt động khác	83	3,23%	90	3,29%	8,43%	217	5,54%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	2.567	100%	2.733	100%	6,47%	3.919	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 33: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.092	80,06%	2.038	73,26%	-2,58%	3.191	80,66%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	396	15,15%	513	18,44%	29,55%	480	12,14%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	35	1,34%	59	2,12%	68,57%	42	1,06%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác	8	0,31%	82	2,95%	925,0%	26	0,65%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	0,00%	-	0,00%	0,00%	0	0,00%
Lãi thuần từ hoạt động khác	83	3,18%	90	3,24%	8,43%	217	5,49%

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	2.613	100%	2.782	100%	6,43%	3.956	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

✚ Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Bảng 34: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Năm 2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	3.300	5.771	74,88%	3.938
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	61,38%	74,19%		55,38%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	33	50	51,52%	100
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	8,31%	9,19%		17,95%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	1.411	1.604	13,68%	1.986
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động(*)	54,97%	58,69%		50,68%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	472	418	-11,44%	823
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	40,83%	37,02%		42,58%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 35: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Năm 2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	3.285	5.741	74,76%	3.920
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	61,10%	73,80%		55,13%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	27	44	62,96%	94
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	6,31%	7,83%		16,35%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	1.459	1.646	12,82%	2.022
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	55,82%	59,17%		51,10%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	472	418	-11,44%	823
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	40,90%	36,76%		42,53%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần)

Trong giai đoạn 2022 - 2024, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập hoạt động (CIR) của Ngân hàng ở mức trên 50% thu nhập hoạt động. Nguyên nhân là do Ngân hàng đang tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng mục tiêu kinh doanh chuyển đổi số, số hóa sản phẩm dịch vụ và hoạt động quản trị nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động trong tương lai.

✦ Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 36: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	919	65,13%	989	61,66%	7,62%	1.294	65,16%

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi về tài sản	182	12,90%	194	12,09%	6,59%	258	12,99%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	20	1,42%	26	1,62%	30,00%	26	1,31%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	233	16,51%	314	19,58%	34,76%	255	12,84%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	57	4,04%	81	5,05%	42,11%	84	4,23%
Chi phí dự phòng rủi ro	-	0%	-	0%	0%	69	3,47%
Tổng chi phí hoạt động	1.411	100%	1.604	100%	13,68%	1.986	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 37: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	957	65,59%	1.024	62,21%	7,00%	1.323	65,46%
Chi về tài sản	190	13,02%	200	12,15%	5,26%	260	12,86%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	20	1,37%	26	1,58%	30,00%	26	1,29%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	235	16,11%	316	19,20%	34,47%	258	12,77%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	57	3,91%	81	4,92%	42,11%	84	4,16%
Chi phí dự phòng rủi ro	-	0%	-	0%	0%	70	3,46%
Tổng chi phí hoạt động	1.459	100%	1.646	100%	12,82%	2.022	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank
 Kết thúc năm 2024 theo số liệu hợp nhất, tổng chi phí hoạt động của KienlongBank tăng 22,78% so với cùng kỳ năm trước, ở mức 2.022 tỷ đồng. Trong đó, chi phí cho nhân viên vẫn là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 65,46% trong tổng chi phí hoạt động. Chi về tài sản và Chi phí hoạt động quản lý công vụ lần lượt chiếm tỷ trọng là 12,86% và 12,77%.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán BCTC: Không có.

7.2 Các chỉ tiêu cơ bản

- Tình hình công nợ

Bảng 38: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ phải thu	6.430	5.724	6.902
1	Các khoản phải thu	5.112	4.049	5.286
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.098	1.438	1.393
3	Tài sản có khác	249	266	321
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(29)	(29)	(98)
II	Nợ phải trả	2.284	2.733	2.889
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.093	1.628	1.010
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.191	1.105	1.879

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 39: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ phải thu	6.623	5.913	7.085
1	Các khoản phải thu	5.115	4.054	5.291
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.098	1.438	1.393
3	Tài sản có khác	438	450	500
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các Tài sản Có nội bảng khác	(29)	(29)	(99)
II	Nợ phải trả	2.282	2.714	2.883
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.087	1.608	1.002
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.195	1.106	1.881

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

- Trái phiếu chưa đáo hạn: cập nhật tại Trang 20 của Bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch này.
- Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 40: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2024
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	6	84	83	7
Thuế TNDN	41	223	166	99
Khác	11	55	55	11
Tổng	58	362	303	117

Nguồn: BCTC riêng Quý IV/2024 của KienlongBank

Bảng 41: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2024
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	6	87	86	7
Thuế TNDN	41	224	166	99
Khác	11	55	55	11
Tổng	58	366	306	117

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý IV/2024 của KienlongBank

7.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2023 – 2024 (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024
1. Chỉ tiêu về vốn			
Vốn điều lệ	tỷ đồng	3.653	3.653
Vốn tự có	tỷ đồng	7.196	8.917
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	9,50%	12,00%
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng nợ	%	2,30%	2,45%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024
Tỷ lệ nợ xấu/tổng nợ	%	1,42%	1,52%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	62,59%	66,42%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	91,29%	90,95%
3. Khả năng thanh khoản			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	15,96%	15,72%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	23,26%	23,56%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	68,20%	74,11%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,07%	18,04%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,82%	1,23%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	2,58%	3,83%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,66%	0,99%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,43%	14,41%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/cp	1.572	2.453
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	18,07%	11,65%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	69,39%	41,15%

Nguồn: KienlongBank

Bảng 43: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2023 – 2024 (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024
1. Chỉ tiêu về vốn			
Vốn điều lệ	tỷ đồng	3.653	3.653
Vốn tự có	tỷ đồng	7.349	9.068
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	9,73%	12,27%
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng nợ	%	2,30%	2,45%

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024
Tỷ lệ nợ xấu/tổng nợ	%	1,42%	1,52%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	62,81%	66,65%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	91,61%	91,26%
3. Khả năng thanh khoản			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	16,01%	15,78%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	22,40%	22,90%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	68,48%	74,32%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,145	17,99%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,83%	1,24%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	2,62%	3,85%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,66%	0,99%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,49%	14,36%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/cp	1.588	2.455
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	18,43%	12,14%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	71,35%	43,21%

Nguồn: KienlongBank

Lưu ý: các chỉ tiêu nêu trên được KienlongBank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Kế hoạch sử dụng vốn

- Dự kiến Quý I/2025 – Quý II/2025
- Dự kiến Quý II/2025 – Quý III/2025

Số tiền và thời gian giải ngân thực tế đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công, thực tế hoạt động và tiến độ cho vay nền kinh tế của Ngân hàng TMCP Kiên Long.

2. Cập nhật Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển tại Bản Cáo Bạch*Bổ sung mốc sự kiện quan trọng trong Quý IV/2024:*

- Kết thúc năm 2024, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của KienlongBank đạt 1.112,06 tỷ đồng, tăng 54,74% so với cùng kỳ do KienlongBank đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động ngay từ đầu năm và triển khai hiệu quả công tác xử lý, thu hồi nợ.
- 3. Cập nhật Thông tin thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng tại Bản Cáo Bạch

3.1 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT của KienlongBank**➤ Thù lao và lợi ích khác của HĐQT**

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng quỹ thù lao	16	21	19

3.1.1 Ông Trần Ngọc Minh – Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.2 Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT

và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Hợp đồng thuê xe ô tô ngày 11/11/2024 phục vụ công việc.

- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.3 Ông Bùi Thanh Hải – Thành viên HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.4 Ông Lê Khắc Gia Bảo – Thành viên HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.5 Ông Nguyễn Cao Cường – Thành viên HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.6 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thành viên HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Hợp đồng thuê xe ô tô ngày 11/11/2024 phục vụ công việc.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.7 Bà Nguyễn Thủy Nguyên – Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 1.862.940 cổ phần, tương ứng 0,51% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Hợp đồng thuê xe ô tô ngày 10/12/2024 phục vụ công việc.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.8 Ông Nguyễn Chí Hiếu – Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.1.9 Ông Kim Minh Tuấn – Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.2 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Kiểm Soát**➤ Thù lao và lợi ích khác của Ban Kiểm soát**

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng quỹ thù lao	6	7	6

3.2.1 Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh – Trưởng BKS

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.2.2 Ông Đặng Minh Quân – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.2.3 Bà Hoàng Thị Phượng – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.2.4 Bà Nguyễn Thị Khánh Phương – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.2.5 Ông Đào Ngọc Hải – Thành viên BKS

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:

- o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

3.3 Cập nhật thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế Toán Trưởng

➤ Thù lao và lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng quỹ thù lao	14	19	18

3.3.1 Ông Trần Hồng Minh – Quyền Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.2 Ông Nguyễn Hoàng An – Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 6.102 cổ phần, tương ứng 0,00% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban

Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.

- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.3 Ông Nguyễn Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.4 Ông Trần Văn Thái Bình - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 103 cổ phần, tương ứng 0,00% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.5 Ông Đỗ Văn Bắc - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 265.168 cổ phần, tương ứng 0,07% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 1.278.500 cổ phần, tương ứng 0,35% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.6 Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm: 03/01/2025
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Quốc tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 08/2002 - 11/2003	Cộng tác viên	Bảo Quân đội Nhân dân Việt Nam
Từ 12/2003 - 01/2005	Điều phối viên	Công ty thiết bị và chuyển giao công nghệ CETT
Từ 02/2005 - 07/2007	Chuyên viên	Cục Quản lý Giá – Bộ Tài chính
Từ 08/2007 - 03/2008	Thành viên Ban Trù bị	Ban Trù bị thành lập Ngân hàng TMCP Liên Việt
Từ 04/2008 - 05/2015	Trưởng/Phó phòng – Phòng Tổng hợp	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội
Từ 06/2015 - 08/2017	Trưởng/Phó phòng – Phòng Giám sát hoạt động	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội
Từ 09/2017 - 10/2020	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt –

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
		Chi nhánh Hà Nội
Từ 01/2021 - 06/2021	Trợ lý cao cấp	Công ty cổ phần Tập đoàn Sunshine
Từ 07/2021 - 12/2021	Trưởng Phòng Hành chính - Nhân sự	Công ty Cổ phần Chứng khoán PineTree
Từ 12/2021 - 02/1/2025	Trợ lý Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kiên Long
Từ 02/1/2025 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kiên Long

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.
- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

3.3.7 Bà Vũ Đặng Xuân Vinh – Kế toán Trưởng

- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của KienlongBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 24/01/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với KienlongBank:
 - o Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024 và đến ngày 24/01/2025: Không phát sinh.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BẮN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Các khoản nợ đối với KienlongBank tại thời điểm 24/01/2025: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.
- 4. **Các nội dung khác:** giữ nguyên như Bản Cáo Bạch
- 5. **Bổ sung Phụ lục tại Bản Cáo Bạch**
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý IV năm 2024.

V. CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Ngọc Minh

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC


Trần Hồng Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Vũ Động Xuân Vinh

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Thành

